

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HSST
Ngày: 25/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Tấn Quang.

+ Bà Phan Thị Thanh Dung.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:* Bà
Nguyễn Trần Anh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Núi
Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số:
94/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 04/2022/QĐXXST-HS, ngày 12/01/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị T; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10/10/1975, tại: N,
Quảng Nam; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Nơi cư trú: Thôn Mỹ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Nhân
viên tạp vụ; Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Phạm Tấn Ng, sinh năm 1954 và bà Lê Thị H, sinh năm 1954. Bị
cáo có chồng tên Đặng Văn L, sinh năm 1971 và 03 con: Lớn nhất sinh năm 2001,
nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo
có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Đàm Hữu H, sinh năm: 1956; Trú tại: Số A, phường H, quận
T, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ
án được tóm tắt như sau:*

Phạm Thị T là nhân viên tạp vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mai Kỳ Hà,
có trụ sở tại thôn M, xã T, huyện N. T được giao chìa khóa các phòng ở, phòng
làm việc của nhân viên để làm vệ sinh hàng ngày. Vào khoảng 08 giờ 20 ngày

14/8/2021, T mở cửa phòng số 06 của ông Đàm Hữu H, là kỹ sư điện lạnh của Công ty để dọn vệ sinh bên trong. Trong lúc dọn vệ sinh, T thấy 01 sợi dây chuyền vàng có gắn mặt đá màu xanh hình tượng phật để trên tấm nệm, nảy sinh ý định trộm cắp nên lấy bỏ vào túi áo trước ngực rồi tiếp tục công việc dọn dẹp phòng. Sau khi dọn vệ sinh xong, T đi ra khóa cửa phòng rồi tiếp tục lau dọn các phòng khác trong công ty.

Khi hết giờ làm việc, T về nhà và lấy dây chuyền vàng có gắn mặt đá màu xanh cất giấu trong tủ quần áo phòng ngủ của mình. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, ông H về phòng không thấy dây chuyền vàng của mình liền gọi điện hỏi thì T bảo không biết nên ông H báo Công an huyện Núi Thành.

Đến ngày 15/8/2021, khi làm việc với Công an huyện Núi Thành thì Phạm Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và giao nộp tang vật là 01 dây chuyền vàng có gắn mặt đá màu xanh.

Tại bản kết luận giám định số 1037/C09C- Đ2 ngày 09/9/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kết luận 01 sợi dây chuyền màu vàng, dài 60 cm, có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng trung bình 99,9%.

Tại bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận:

- 10,23 chỉ vàng 99,9%, loại dây chuyền, mua năm 2015, đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại là 51.150.000 đồng.

- 01 mặt dây chuyền hình tượng phật bằng đá màu xanh, mua năm 2015, đã qua sử dụng, giá trị thiệt hại là 200.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại là 51.350.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 86/CT-VKS-NT ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

Về điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt mức án đối với bị cáo Phạm Thị T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng;

Về xử lý vật chứng: Dây chuyền đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đàm Hữu H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo phạm tội trên địa bàn huyện Núi Thành và bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 268, 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Núi Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã truy tố. Theo đó, vào khoảng 08 giờ 20 phút ngày 14/8/2021, bị cáo T có hành vi lén lút lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng, có gắn mặt đá màu xanh hình tượng phật của ông Đàm Hữu H, với giá trị tài sản bị trộm cắp là 51.350.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 38/CT-VKS-NT ngày 21/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thì thấy:

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, pháp nhân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị nghiêm trị. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản là phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và góp phần phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã trả lại tài sản trộm cắp. Bị cáo có ông nội tên Phạm Văn L là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương, gia đình bị cáo có điều kiện hết sức khó khăn, bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ ăn học, bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy bị cáo Phạm Thị T có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng: Dây chuyền đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326 và 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2022).

Giao bị cáo Phạm Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Phạm Thị T.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án

phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- CA huyện Núi Thành;
- VKSND huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Hiệp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN CÔNG THẮNG